**MẪU SỐ 14A**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,**

**MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP,**

**MƯỢN THIẾT BỊ Y TẾ**

**CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN QUY TRÌNH THÔNG THƯỜNG**

**(theo quy trình số 01)**

**(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT

ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**PHẦN I:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

***Tên gói thầu:*** *[trích xuất từ Hệ thống]*

***Dự án/dự toán mua sắm:*** *[trích xuất từ Hệ thống]*

***Chủ đầu tư:*** *[trích xuất từ Hệ thống]*

***Bên mời thầu:*** *[trích xuất từ Hệ thống]*

**Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu*\_\_\_\_\_ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá trong E-HSMT** | **Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống**  **(Căn cứ cam kết trong**  **E–HSDT)** | | **Kết quả đánh giá của chuyên gia** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | Bảo đảm dự thầu(1) |  |  |  |  |
| 2 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)(2) |  |  |  |  |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu |  |  |  |  |
| 3.1 | Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: |  |  |  |  |
| 3.1.1 | Hạch toán tài chính độc lập(3) |  |  |  |  |
| 3.1.2 | Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (3) |  |  |  |  |
| 3.1.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.1.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.1.5 | Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3) |  |  |  |  |
| 3.1.6 | Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp(4) |  |  |  |  |
| 3.1.7 | Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực(5) |  |  |  |  |
| 4 | Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống(6) |  |  |  |  |
| 5 | Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(3) |  |  |  |  |
| 6 | Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có) đối với phần công việc tư vấn của gói thầu EPC, EP, EC (7). |  |  |  |  |
|  | **Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì mục 3 được quy định như sau:** |  | |  |  |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật đấu thầu |  |  |  |  |
| 3.1 | Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: |  |  |  |  |
| 3.1.1 | Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật(3) |  |  |  |  |
| 3.1.2 | Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3) |  |  |  |  |
| 3.1.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.1.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.1.5 | Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực(5) |  |  |  |  |
|  | **Đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân thì mục 3 và mục 5 được quy định như sau:** |  |  |  |  |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu |  |  |  |  |
| 3.1 | Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ(3) |  |  |  |  |
| 3.2 | Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3) |  |  |  |  |
| 3.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu(3) |  |  |  |  |
| 3.5 | Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định(8)) |  |  |  |  |
| 4 | Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu(3) |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN** | |  | |  | |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh (webform trên Hệ thống)

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. Trường hợp gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đáp ứng yêu cầu thì khi tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(5) Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng và người có thẩm quyền quyết định chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực. Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu chứng minh của nhà thầu. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(7) Chỉ áp dụng đối với gói thầu EPC, EC, EP. Tổ chuyên gia đánh giá.

(8) Tổ chuyên gia đánh giá theo chứng chỉ chuyên môn đính kèm của cá nhân.

**Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

E-HSDT của nhà thầu\_\_\_\_ *(Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)*

| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT(1)** | | | **Thông tin trong**  **E-HSDT(2)** | **Kết quả đánh giá tự động từ**  **Hệ thống(3)** | | **Kết quả đánh giá của chuyên gia(4)** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kết luận** | | | |  | |  | |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform

- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu

- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế.

+ Đối với tiêu chí kết quả hoạt động tài chính: Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

+ Đối với tiêu chí về doanh thu bình quân hằng năm: Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư để chứng minh.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

Trường hợp nhà thầu liên danh tham gia gói thầu EPC, EP, PC và trong phần cung cấp hàng hóa có các sản phẩm được ưu đãi nêu trên (sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm được sản xuất từ chuyển giao công nghệ, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam) thì chỉ thành viên liên danh sản xuất đồng thời cung cấp các sản phẩm này được hưởng ưu đãi khi tính doanh thu bình quân hàng năm.

(4) Tổ chuyên gia đánh giá đối với các nội dung sau:

- Đánh giá các nội dung ngoài các nội dung mà Hệ thống đánh giá tự động:

+ Nguồn lực tài chính (đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC). Trường hợp nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp tín dụng theo quy định của E-HSMT, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

+ Hợp đồng tương tự; năng lực sản xuất; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác.

- Các nội dung Hệ thống đánh giá là "đạt" mà Tổ chuyên gia xét thấy phải đánh giá lại. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

**Mẫu số 03A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng phương pháp chấm điểm)**

E-HSDT của nhà thầu:\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Mức điểm quy định trong E-HSMT(2)** | | **ĐÁNH GIÁ(3)** | | **Ghi chú** |
| **Điểm tối đa** | **Điểm tối thiểu** | **Điểm** | **Nhận xét của chuyên gia** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN(4)** | | | |  | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

**Mẫu số 03B (****Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)**

E-HSDT của nhà thầu\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Chấp nhận được** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN(3)** | |  | | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí “Chấp nhận được” chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung “Chấp nhận được”.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**Mẫu số 04 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**xác đỊnh ΔG**

**(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá)**

E-HSDT của nhà thầu\_\_\_\_

| **Stt** | **Công thức xác định ΔG** | **ΔG (1)** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) ΔG tại biểu này chưa bao gồm ΔƯĐ phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mẫu số 05.

Không cần xác định ΔG nếu chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**Mẫu số 05 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG**

**ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU**

**(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC)**

*Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định mức ưu đãi nhà thầu được hưởng. Danh mục hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định ΔƯĐ như sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Stt* | *Nhà thầu(2)*  *Hàng hóa(1)* | *Nhà thầu 1* | | | *…* | | *Nhà thầu N* | | |
| Loại hàng hóa(3) | Giá của hàng hóa sau khi trừ đi giảm giá (nếu có)(4) | **ΔƯĐ(5)** |  | Loại hàng hóa(3) | | Giá của hàng hóa sau khi trừ đi giảm giá (nếu có)(4) | **ΔƯĐ(5)** |
|  | *Hàng hóa 1* |  |  |  |  |  | |  |  |
|  | *Hàng hóa 2* |  |  |  |  |  | |  |  |
|  | *Tổng cộng* |  |  |  |  |  | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

1. *Ghi tên các hàng hóa được ưu đãi;*
2. *Ghi tên các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;*

*(3) Ghi loại hàng hóa theo quy tắc như sau:*

*- Ghi số “0” với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*- Ghi số “1” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%;*

*- Ghi số “2” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

- *Ghi số “3” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên;*

*- Ghi số “4” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

*- Ghi số “5” với Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.*

*(4): Ghi giá dự thầu của hàng hóa trong E-HSDT sau khi trừ đi giảm giá (nếu có). Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, ghi giá chào cuối cùng (bao gồm thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau khi kết thúc chào giá trực tuyến.*

*(5)* **ΔƯĐ***được tính tương ứng theo quy định tại E-HSMT;*

Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi như nhau hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.

**Mẫu số 06 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**HiỆu chỈnh sai lỆch THỪA(1)**

E-HSDT của nhà thầu:\_\_\_\_

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục chào thừa (2)** | **Giá trị chào thừa** | **Ghi chú** |
| 1. |  | T1 |  |
| 2. |  | T2 |  |
| ..... |  | … |  |
| n. |  | Tn |  |
| **Tổng cộng** | | **T** |  |
| **KẾt luẬn(3)** | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng việc hiệu chỉnh sai lệch thừa theo quy định trong E-HSMT đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng loại hợp đồng trọn gói.

(2) Hạng mục mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT thừa so với yêu cầu để hoàn thành thiết kế trong E-HSMT (đối với gói thầu xây lắp, PC) hoặc hạng mục thừa so với yêu cầu thực hiện gói thầu (đối với gói thầu EPC, EC), để hoàn thành phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.

(3) Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch thừa; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**Mẫu số 07A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

**(Phương pháp giá đánh giá)**

E-HSDT của nhà thầu:\_\_\_\_

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) |  |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa(1) | Giá trị T theo Mẫu số 06 |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 5 | ΔG(2) | Theo Mẫu số 04 |
| 6 | ΔƯĐ (nếu có)(3) | Theo Mẫu số 05 |
| 7 | Giá đánh giá (4) |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC sử dụng loại hợp đồng trọn gói (nếu có)

(2) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường sử dụng phương pháp giá đánh giá, việc xác định giá đánh giá thực hiện trên cơ sở giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến .

(3) ΔƯĐ: chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC

(4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Không cần xác định giá đánh giá nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**Mẫu số 07B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

**(Phương pháp giá thấp nhất)**

E-HSDT của nhà thầu:\_\_\_\_

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) (1) |  |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa(2) | Giá trị T theo Mẫu số 06 |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 5 | ΔƯĐ(3) | Theo Mẫu số 05 |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có)(4) |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

1. Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.

(2) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói (nếu có)

(3) ΔƯĐ: chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, PC, EP.

(4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

|  |  |
| --- | --- |
| [TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ E-HSDT] Số: / | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *\_\_\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_* |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Kính gửi:\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: *[Hệ thống trích xuất]*

- Bên mời thầu: *[Hệ thống trích xuất]*

- Tên dự án/dự toán mua sắm: *[Hệ thống trích xuất]*

- Tên gói thầu: *[Hệ thống trích xuất]*;

- Số KHLCNT: *[Hệ thống trích xuất]* thời điểm đăng tải *[Hệ thống trích xuất];*

*-* Số E-TBMT: *[Hệ thống trích xuất]* thời điểm đăng tải *[Hệ thống trích xuất];*

- Các văn bản pháp lý liên quan: *(Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT liệt kê).*

### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được *[Ghi tên Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn đấu thầu]*thành lập theo Quyết định số *[Ghi số và ngày ban hành văn bản]* để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu *[trích xuất từ Hệ thống]* thuộc dự án/dự toán mua sắm *[trích xuất từ Hệ thống].*

*Trường hợp* *Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:*

Căn cứ hợp đồng số *[Ghi số hiệu hợp đồng]* ngày *[Ghi thời gian ký hợp đồng]* giữa *[Ghi tên Chủ đầu tư]* và\_\_\_\_ *[Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu]* về việc thuê tổ chức đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu *[trích xuất từ Hệ thống]* thuộc dự án/dự toán mua sắm *[trích xuất từ Hệ thống].*

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại* ***Bảng số 01****.*

**Bảng số 01**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia** | **Phân công công việc của các thành viên** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

*Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.*

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

**1. Biên bản mở thầu**

*[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]*

### 2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ của E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

**Bảng số 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** |
|  |  |  |
|  |  |  |

b)Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có)*. Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu.*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 02):*

**Bảng số 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** |
|  |  |  |
|  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT,* *thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có).*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 04** dưới đây: *(tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B)*:

**Bảng số 04**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả đánh giá** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT (nếu có)). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSDT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

### 5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 05** dưới đây: *(được tổng hợp từ Mẫu số 07A hoặc Mẫu số 07B)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu A** | **Nhà thầu B** | **…** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) |  |  |  |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) |  |  |  |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất** |  |  |  |
| 5 | ΔƯĐ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC, nếu có) |  |  |  |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá** |  |  |  |
| 5 | ΔG |  |  |  |
| 6 | ΔƯĐ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC, nếu có) |  |  |  |
| 7 | Giá đánh giá |  |  |  |

*Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).*

*Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.*

### 6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 06** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 06**

| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **...** |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT |  |  |  |
| 2 | Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm |  |  |  |
| 3 | Kết quả đánh giá về kỹ thuật |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất** |  |  |  |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Xếp hạng các E-HSDT\* |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá** |  |  |  |
| 6 | Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi) |  |  |  |
| 7 | Xếp hạng các E-HSDT\* |  |  |  |

*Ghi chú \*:*

*- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian đối với gói thầu phi tư vấn, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

*- Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.*

- *Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).*

*- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.*

*- Trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau thì thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 18 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP**;*

*- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, không cần xác định ưu đãi, giá đánh giá, xếp hạng nhà thầu.*

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá E-HSDT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

*1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.*

*Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, tên các nhà thầu được đề nghị trúng thầu là danh sách các nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị của hạng mục nhà thầu dự thầu theo thứ tự từ thấp đến cao cho đến khi tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT và ghi giá đề nghị trúng thầu tương ứng với từng nhà thầu.*

*2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*

*3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.* *[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

**IV. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung**  **đánh giá** | **Ý kiến**  **bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

## *[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*